

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 295/2017/QĐST-
VHNGĐ

L, ngày 27 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 373/2017/TLST-VHNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc ***Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn***, giữa:

- Người yêu cầu: **Anh Nguyễn Quang T** – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số 7B ngõ 23/12 phố B1, Tổ 5 phường B1, quận L, TP. Hà Nội

Đối với: **Chị Phạm Thùy D** – Sinh năm: 1987

HKTT: Tổ 5 phường B1, quận L, TP. Hà Nội

Địa chỉ: Ngõ 43 C, phường C 2, quận B2, TP. Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Quang T và chị Phạm Thùy D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai anh chị xác định có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Quang T1 – Sinh ngày: 14/10/2011 và cháu Nguyễn Quang V – Sinh ngày: 27/5/2013. Ly hôn, anh chị thống nhất thoả thuận: Giao cháu V cho chị D, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con cho bên nào.

Không ai được quyền ngăn cản việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

2.3. Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Hai anh chị thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.4. Về lệ phí: Anh T và chị D mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh chị mỗi người đã nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo Biên lai số **AB/2015/0005579** và **AB/2015/0005580** ngày **27/6/2017** tại Chi cục thi hành án quận L, TP. Hà Nội; nay chuyển thành lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP. Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường B3, B4, Thanh Hóa;
- Chi cục thi hành án dân sự quận L, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

VŨ THỊ THU HẰNG